

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1389/2022/KDTM-ST

Ngày: 27/7/2022

"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hòa Bình

2. Ông Trần Văn Phủ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 1326/2021/TLST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2022/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu hóa chất A

Địa chỉ: Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Nhật B, sinh năm 1997 là đại diện theo ủy quyền. Địa chỉ: Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C

Địa chỉ: Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Lê Hải D, sinh năm 1985. Cư trú: Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Công ty Cổ phần hóa chất A do bà Nguyễn Nhật B đại diện trình bày:

Công ty cổ phần Hóa Chất A (viết tắt là Công ty A) có ngành nghề kinh doanh chính là nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối bán buôn các loại hàng hóa cụ thể là hóa chất và có đối tác là Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Dịch vụ C

("Công ty C"). Do quen biết và tin tưởng lẫn nhau, nên trong quá trình hợp tác hai bên không ký hợp đồng mua bán hàng hóa mà làm việc thông qua email, trao đổi qua điện thoại là chủ yếu.

Ngày 24/06/2020, Công ty C đã gửi cho Công ty A Đơn đặt hàng số 39/20 yêu cầu Công ty A giao 2.724 kg Hóa chất Mergal 395 (Troy chemical), quy cách 227kg/phuy, đơn giá (chưa bao gồm VAT) 153.000 đồng, thành tiền 416.772.000 đồng, tổng giá trị thanh toán là 458.449.200 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Theo như thông lệ, sau khi tiếp nhận được thông tin đặt hàng từ Công ty C và thông qua trao đổi tại các Email giữa hai bên, ngày 10/07/2020 Công ty A đã thực hiện việc giao hàng đầy đủ với số lượng 2.724 kg Hóa Chất Mergal 395 cho Công ty C (theo phiếu xuất kho của A ngày 10/07/2020 và phiếu nhập kho ngày 10/07/2020 số NB32007-00460)

Sau đó, công ty C đã xác nhận hàng và các chứng cứ từ thanh toán, hóa đơn đầy đủ (theo hóa đơn 0003151 xuất ngày 10/07/2020).

Ngày 01/10/2020, Công ty C đã thanh toán cho Công ty A số tiền là 158.449.200 đồng vào tài khoản số 61322899 tại ngân hàng ACB của Công ty A (theo giấy báo của ngân hàng ACB ngày 01/10/2020). Tuy nhiên, Công ty C không thực hiện việc thanh toán số tiền còn lại là 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng) cho Công ty A mặc dù Công ty A đã nhiều lần liên hệ bằng nhiều hình thức (email, điện thoại...) để yêu cầu thanh toán.

Ngày 07/05/2021, Công ty A đã gửi công văn yêu cầu Công ty C thanh toán phần tiền còn lại. Đến ngày, 10/05/2021 Công ty C đã có công văn phản hồi số 02/2021-CV đối với việc giải quyết công nợ của Công ty A. Theo đó, Công ty C đã xác nhận công ty A số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng). Công ty C đã thừa nhận số công nợ nhưng Công ty C trì hoãn việc thanh toán đầy đủ cho Công ty A. Ngày 20/05/2021, Công ty A đã phản hồi các nội dung trong công văn số 02/2021-CV về việc tiếp tục yêu cầu Công ty C phải thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho Công ty A.

Ngày 01/07/2021, A đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi do chậm thanh toán, cụ thể như sau:

- Yêu cầu Công ty C thanh toán cho A theo hóa đơn số 0003151 ngày 10/07/2020 là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

- Yêu cầu Công ty C trả tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 10/07/2020 đến ngày 30/06/2021 (lãi suất được tạm tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (9%/ năm tương ứng 0.75%/tháng - căn cứ theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất bằng đồng Việt Nam) số tiền là 26.250.000 (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngày 30/11/2021, Công ty C đã chuyển trả số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng cho Công ty A.

Ngày 20/01/2022, chúng tôi đã nộp đơn đề nghị được rút một phần yêu cầu trong Đơn khởi kiện nộp ngày 01/07/2021, cụ thể là A xin rút lại yêu cầu công ty C thanh toán đủ số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Mặc dù bị đơn đã thanh toán số tiền nợ của việc mua bán hàng hóa nhưng

vẫn không thanh toán đầy đủ số tiền lãi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS.

Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán như sau đối với nguyên đơn: Số tiền lãi do chậm thanh toán được tạm tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (9%/năm tương ứng 0.75%/tháng- căn cứ theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định về mức lãi suất bằng đồng Việt Nam) cụ thể như sau: Từ ngày 10/07/2020 đến ngày 30/11/2021, lãi suất được tạm tính như sau: $(300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 16 \text{ tháng}) + (300.000.000 \text{ đồng} \times (0,75\% : 30) \times 19 \text{ ngày}) = 37.425.000$ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C do bà Phạm Lê Hải D đại diện trình bày: Công ty của chúng tôi luôn giữ uy tín đối với đối tác luôn tin tưởng tôn trọng sự hợp tác của các bên. Công ty C xác nhận việc mua bán giữa các bên và đã trả hết tiền theo thỏa thuận mua bán giữa hai bên mặc dù Công ty A đã không tôn trọng kinh doanh và trực tiếp bán hàng cho khách là khách hàng của Công ty C. Việc nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi do chậm thanh toán được tạm tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 37.425.000 đồng là không có cơ sở. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty cổ phần đầu hóa chất A có ngành nghề kinh doanh chính là nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối bán buôn các loại hàng hóa cụ thể là hóa chất và có đối tác là Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Dịch vụ C ("Công ty C"). Do quen biết và tương lẫn nhau, nên trong quá trình hợp tác hai bên không ký hợp đồng mua bán hàng hóa mà làm việc thông qua email, trao đổi qua điện thoại là chủ yếu. Ngày 24/06/2020, Công ty C đã gửi cho Công ty A Đơn đặt hàng số 39/20 yêu cầu A giao 2.724 kg Hóa chất Mergal 395 (Troy chemical), quy cách 227kg/phuy, đơn giá (chưa bao gồm VAT) 153.000 đồng, thành tiền 416.772.000 VNĐ, tổng giá trị thanh toán là 458.449.200 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Theo như thông lệ, sau khi tiếp nhận được thông tin đặt hàng từ Công ty C và thông qua trao đổi tại các Email giữa hai bên, ngày 10/07/2020 Công ty A đã thực hiện việc giao hàng đầy đủ với số lượng 2.724 kg Hóa Chất Mergal 395 cho Công ty C (theo phiếu xuất kho của A ngày 10/07/2020 và phiếu nhập kho ngày 10/07/2020 số NB32007-00460).

Sau đó, công ty C đã xác nhận hàng và các chứng cứ từ thanh toán, hóa đơn đầy đủ (theo hóa đơn 0003151 xuất ngày 10/07/2020). Bị đơn đã thanh toán tiền hàng và nguyên đơn yêu cầu yêu cầu số tiền lãi do chậm thanh toán, do đó đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C. Địa chỉ: 215/44 Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây

là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu thanh toán theo hóa đơn số 0003151 ngày 10/07/2020 là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán như sau đối với nguyên đơn: Số tiền lãi do chậm thanh toán được tạm tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Từ ngày 10/07/2020 đến ngày 30/11/2021, lãi suất được tạm tính là : 37.425.000 (ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền hàng chưa thanh toán 300.000.000 đồng nguyên đơn đã rút cầu cần đình chỉ yêu cầu này.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán với nguyên đơn: Số tiền lãi do chậm thanh toán được tạm tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (9%/năm tương ứng 0.75%/tháng- căn cứ theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định về mức lãi suất bằng đồng Việt Nam) cụ thể như sau tính từ ngày 10/07/2020 đến ngày 30/11/2021, lãi xuất được tạm tính như sau: $(300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 16 \text{ tháng}) + (300.000.000 \text{ đồng} \times (0,75\% : 30) \times 19 \text{ ngày}) = 37.425.000$ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi trong quan hệ mua bán hàng hóa trong lĩnh vực kinh doanh thương mại là có cơ sở, việc yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán được tạm tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cần áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự ; Điều 24, Điều 25 và Điều 306 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với câu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu hóa chất A về yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C thanh toán theo hóa đơn 0003151 ngày 10/7/2020 số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần đầu hóa chất A về yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C trả tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam số tiền 37.425.000 (*ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng.

Hoàn 8.156.000 đồng cho Công ty cổ phần đầu hóa chất A tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000320 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Công ty cổ phần đầu hóa chất A, Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Minh Thuận